TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ N** **TỈNH NAM ĐỊNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 204/2019/HSST
Ngày: 25-7-2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ N, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Đức Nguyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Trịnh Thị Lan.

Bà Nguyễn Thị Kim Anh.

- Thư ký phiên toà: Bà Bùi Thị Nhung - Thư ký Toà án nhân dân thành phố N.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố N tham gia phiên tòa: Ông Vũ Đức Hạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố N, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 209/2019/TLST-HS ngày 10 tháng 7 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 209/2019/QĐ-HSST ngày 12-7-2019 đối với bị cáo:

Phạm Ngọc Q, sinh năm 1986 tại tỉnh Nam Định; đăng ký hộ khẩu thường trú: Số nhà 74 đường T, xã M, thành phố N, tỉnh Nam Định; nơi cư trú: Số nhà 07/11/01 đường L, phường H, thành phố N, tỉnh Nam Định; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn T và bà Trần Thị T; có vợ Quách Thúy H và có 02 con; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị cấm đi khỏi nơi cư trú theo lệnh số 40 ngày 15-5-2019 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố N; bị cáo có mặt tại phiên toà.

- Bị hại: Chị Trần Thị Thanh T, sinh năm 1975; nơi cư trú: Số nhà 376 đường H, phường V, thành phố N, tỉnh Nam Định (Chị T vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 18 giờ ngày 08-5-2019 Phạm Ngọc Q đi bộ trên đường H theo hướng từ đường H đến đường T, khi đến quán Đậu Đậu ở số 376 đường H, phường V, thành phố N. Q vào quán gặp chị Trần Thị Thanh T, sinh năm 1975 là chủ quán hỏi mua đồ ăn và thanh toán tiền cho chị T. Trong lúc Q ra ngoài đợi nhân viên bếp làm đồ ăn, phát hiện thấy ở vỉa hè trước cửa quán có dựng 01 chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Click màu đen biển kiểm soát H2-9987, chìa khóa vẫn cắm ở ổ khóa Q nảy sinh ý định trộm cắp chiếc xe để làm phương tiện đi lại. Lợi dụng sơ hở lúc chị T không để ý đến tài sản, nhân viên bảo vệ không chú ý. Q đi đến ngồi lên xe Honda Click biển kiểm soát H2-9987 và nổ máy điều khiển xe về nhà cất giấu.

Sau khi nhận được đơn trình báo của chị T. Ngày 10-5-2019 Cơ quan điều tra Công an thành phố N triệu tập Q đến làm việc. Tại Cơ quan điều tra, Q đã khai nhận toàn bộ hành vi nêu trên và giao nộp cho Cơ quan điều tra chiếc xe máy Honda Click màu đen biển kiểm soát H2-9987.

Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng hình sự đã định giá chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Click màu đen biển kiểm soát H2-9987 có trị giá là 8.000.000 đồng. Chiếc xe máy đã được Cơ quan Cảnh sát điều tra trả lại cho bị hại là chị Trần Thị Thanh T. Chị T nhận lại chiếc xe và không có ý kiến đề nghị gì khác.

Bản Cáo trạng số 213/CT-VKSTPNĐ ngày 08-7-2019 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố N truy tố Phạm Ngọc Q về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại Khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên toà: Bị cáo Phạm Ngọc Q xác nhận trong quá trình điều tra, truy tố không bị Cơ quan tiến hành tố tụng ép cung, bức cung hay nhục hình. Bị cáo khai vào khoảng 18 giờ 00 phút ngày 08-5-2019, lợi dụng sự sở hở của bị hại, bị cáo đã lén lút chiếm đoạt của chị Trần Thị Thanh T chiếc xe Honda Click màu đen biển kiểm soát H2-9987 trị giá 8.000.000 đồng tại số nhà 376 đường H, phường V, thành phố N và thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như bản Cáo trạng đã nêu là đúng. Bị cáo không khai báo thêm tình tiết mới và ăn năn, hối cải đối với hành vi phạm tội của mình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố N luận tội và tranh luận: Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo và thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bố bị cáo là người có công với cách mạng. Vì vậy, đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo Phạm Ngọc Q theo toàn bộ

nội dung bản Cáo trạng truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Phạm Ngọc Q phạm tội "Trộm cắp tài sản".

- Áp dụng Khoản 1 Điều 173; Điểm i, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự: Phạt bị cáo từ 06 tháng đến 09 tháng án treo, thời gian thử thách gấp đôi; miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận. Bị cáo nói lời sau cùng đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, Quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, Người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, Quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, Người tiến hành tố tụng đã thực hiện trong vụ án đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Lời khai nhận tội của bị cáo Phạm Ngọc Q có trong hồ sơ vụ án và quá trình tranh tụng tại phiên tòa bị cáo đều thừa nhận hành vi phạm tội của mình, không có sự mâu thuẫn và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác như đơn trình báo và lời khai của bị hại; biên bản thu giữ vật chứng; sơ đồ hiện trường; kết luận của Hội đồng định giá trong Tố tụng Hình sự; lời khai của những người làm chứng nên đã có đủ cơ sở kết luận khoảng 18 giờ 00 phút ngày 08-5-2019 tại số nhà 376 đường H, phường V, thành phố N bị cáo đã có hành vi lén lút chiếm đoạt của chị Trần Thị Thanh T chiếc xe Honda Click màu đen biển kiểm soát H2-9987 trị giá 8.000.000 đồng. Hành vi phạm tội của bị cáo là nghiêm trọng, gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn thành phố N; xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản công dân được pháp luật bảo vệ. Bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vì lòng tham bị cáo đã lợi dụng sự sơ hở, mất cảnh giác của bị hại để cố ý trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội. Tài sản bị cáo chiếm đoạt của bị hại có giá trị 8.000.000 đồng. Như vậy, hành vi của bị cáo đã phạm tội "Trộm cắp tài sản". Việc truy tố và đưa ra xét xử bị cáo theo quy định tại Khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự là đúng người đúng tội.

[3] Các tình tiết Hội đồng xét xử sẽ xem xét khi Quyết định hình phạt đối với bị cáo:

[3.1] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại Cơ quan điều tra và tại phiên toà, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu và thuộc trường

hợp ít nghiêm trọng; bố bị cáo là người có công với cách mạng nên áp dụng Điểm i, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[3.2] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[4] Từ những phân tích, đánh giá nêu trên xét thấy bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng nên không cần thiết cách ly bị cáo khỏi xã hội mà cho bị cáo hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách đối với bị cáo để bị cáo cải tạo tại địa phương có sự giám sát giáo dục của Ủy ban nhân dân nơi cư trú cũng đủ giáo dục, cải tạo bị cáo.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Do bị hại là chị Trần Thị Thanh T đã nhận lại tài sản là chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Click màu đen biển kiểm soát H2-9987 và không có ý kiến gì khác nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[6] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo không có nghề nghiệp và thu nhập nên miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[7] Về án phí: Bị cáo Phạm Ngọc Q bị kết án nên phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào Khoản 1 Điều 173; Điểm i, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự; Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

- Tuyên bố bị cáo Phạm Ngọc Q phạm tội "Trộm cắp tài sản".

- Xử phạt bị cáo 06 (Sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 (Mười hai) tháng. Thời gian thử thách của bị cáo tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Tiếp tục duy trì Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số 40 ngày 15-5-2019 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố N đối với bị cáo đến khi Bản án có hiệu lực pháp luật.

- Giao bị cáo Phạm Ngọc Q cho Uỷ ban nhân dân phường H, thành phố N, tỉnh Nam Định giám sát giáo dục bị cáo. Trong trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Khoản 1 Điều 69 Luật Thi hành án hình sự.

- Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Toà án có thể Quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của Bản án đã cho hưởng án treo.

2. Án phí: Bị cáo Phạm Ngọc Q phải nộp 200.000 đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

3. Quyền kháng cáo: Bị cáo Phạm Ngọc Q được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại là chị Trần Thị Thanh T được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc ngày Bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trong trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người phải thi hành án có quyền tự nguyện thi hành hoặc cưỡng chế thi hành án. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Toà án ND. Tỉnh Nam Định;
- Viện kiểm sát ND. Tỉnh Nam Định;
- Viện kiểm sát NDTP. N;
- Công an TP. N;
- Chi cục Thi hành án dân sự TP. N;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Đức Nguyên